

**BẢNG TỔNG KẾT ĐIỂM MÔN DỊCH TỄ VÀ CÁC BỆNH TRUYỀN NHIỄM
LỚP CĐDD9A**

GV PHỤ TRÁCH: BS. Trần Tuấn Khí

Tín chỉ: 2

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN		Điểm quá trình				ĐIỂM TBKT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Thang điểm chữ	Xếp loại
				10%	10%	20%						
				Chuyên cần	Bài tập, tiểu luận	KT1	KT2					
1	1510010001	Nguyễn Như Ái	8.0	8.0	5.5	3.4	5.6	4.6	5.0	D	Trung bình yếu	
2	1510010002	Phạm Trường An	8.0	7.0	5.0	5.2	5.9	4.2	4.9	D	Trung bình yếu	
3	1510010003	Huỳnh Tuấn Anh	8.3	8.3	6.0	6.6	7.0	4.5	5.5	C	Trung bình	
4	1510010078	Đào Hồng Chi	8.0	8.3	6.0	4.8	6.3	4.7	5.3	D	Trung bình yếu	
5	1510010006	Thạch Thị Xuân Đào	8.0	7.3	6.0	3.0	5.6	4.1	4.7	D	Trung bình yếu	
6	1510010008	Huỳnh Tấn Dương	9.0	8.0	6.0	5.0	6.5	3.7	4.8	D	Trung bình yếu	
7	1510010077	Phạm Hải Điền	8.5	8.0	6.0	4.2	6.2	4.9	5.4	D	Trung bình yếu	
8	1510010010	Trần Ngọc Hân	9.0	8.5	8.0	5.4	7.4	7.0	7.2	B	Khá	
9	1510010080	Nguyễn Ngọc Huyền	8.5	8.5	5.0	4.0	5.8	5.0	5.3	D	Trung bình yếu	
10	1510010014	Nguyễn Thị Cẩm Hường	8.5	8.0	6.0	5.6	6.6	5.8	6.1	C	Trung bình	
11	1510010015	Vũ Khánh	8.5	8.0	6.5	6.0	6.9	6.2	6.5	C	Trung bình	
12	1510010016	Phan Hải Lam	8.0	8.0	6.0	3.2	5.7	4.1	4.7	D	Trung bình yếu	
13	1510010017	Lê Xuân Lâm	7.5	7.5	7.5	3.2	6.1	5.1	5.5	C	Trung bình	
14	1510010063	Nguyễn Thanh Liêm	9.0	7.3	6.0	4.0	6.1	4.4	5.1	D	Trung bình yếu	
15	1510010020	Thái Lê Hoài Linh	7.5	7.5	6.0	4.8	6.1	5.3	5.6	C	Trung bình	
16	1510010022	Nguyễn Thanh Loan	8.5	7.3	5.0	4.2	5.7	2.2	3.6	F	Kém	
17	1510010058	Danh Hoàng Lực	8.5	8.0	6.5	4.2	6.3	5.2	5.6	C	Trung bình	
18	1510010070	Danh Ngọc Mai	9.5	8.5	6.0	4.2	6.4	5.5	5.9	C	Trung bình	
19	1510010024	Lê Huỳnh Diễm Mi	8.3	8.3	6.0	3.2	5.8	4.7	5.1	D	Trung bình yếu	
20	1510010026	Phan Thị Mơ	9.5	8.5	6.5	6.2	7.2	5.2	6.0	C	Trung bình	
21	1510010028	Thạch Thúy Ngân	8.3	8.3	6.0	4.0	6.1	4.9	5.4	D	Trung bình yếu	
22	1510010030	Trần Thị Ngoãn	8.0	7.3	5.0	3.4	5.4	4.2	4.7	D	Trung bình yếu	
23	1510010032	Trương Kim Ngôn	7.5	8.0	6.5	5.8	6.7	6.0	6.3	C	Trung bình	
24	1510010034	Phan Ngọc Nhiễm	9.0	8.0	5.5	6.2	6.7	5.4	5.9	C	Trung bình	
25	1510010036	Trần Thị Huỳnh Như	8.5	8.5	6.5	4.0	6.3	5.9	6.1	C	Trung bình	
26	1510010038	Hứa Minh Nhựt	9.5	7.3	6.5	4.4	6.4	3.6	4.7	D	Trung bình yếu	
27	1510010040	Trịnh Hoàng Phi	7.5	8.0	6.5	6.2	6.8	6.5	6.6	C	Trung bình	
28	1510010041	Lâm Mỹ Phụng	8.8	8.3	5.5	4.2	6.1	3.2	4.4	D	Trung bình yếu	
29	1510010075	Son Tài	8.5	7.5	5.5	5.0	6.2	4.9	5.4	D	Trung bình yếu	
30	1510010043	Phạm Văn Tâm	9.0	8.5	5.5	5.2	6.5	6.1	6.3	C	Trung bình	
31	1510010045	Lê Hiệp Thành	7.5	8.0	5.5	4.8	6.0	3.5	4.5	D	Trung bình yếu	
32	1510010047	Lê Cẩm Thi	8.0	7.3	6.5	5.4	6.5	5.0	5.6	C	Trung bình	
33	1510010049	Nguyễn Hồng Thoa	9.5	8.5	5.5	4.8	6.4	5.1	5.6	C	Trung bình	
34	1510010051	Bùi Gia Toàn	8.0	7.3	6.5	4.8	6.3	5.0	5.5	C	Trung bình	
35	1510010052	Nguyễn Thị Cẩm Tú	8.3	8.3	6.5	4.2	6.3	4.4	5.2	D	Trung bình yếu	
36	1510010074	Trần Ngọc Tú	9.3	8.3	6.0	4.8	6.5	4.3	5.2	D	Trung bình yếu	

TT	Mã số HS-SV	HỌ VÀ TÊN	Điểm quá trình				ĐIỂM TBKT	Điểm thi	Điểm tổng kết	Thang điểm chữ	Xếp loại
			10%	10%	20%						
			Chuyên cần	Bài tập, tiểu luận	KT1	KT2					
37	1510010054	Kim Thanh Tùng	9.0	7.3	6.0	3.2	5.8	3.5	4.4	D	Trung bình yếu
38	1510010056	Phạm Thị Tường Vi	9.0	8.3	6.0	6.8	7.2	6.4	6.7	C	Trung bình
39	1510010072	Trần Như Ý	8.8	8.3	5.0	4.6	6.1	4.6	5.2	D	Trung bình yếu

Ghi chú: Danh sách này có 39 sinh viên; đạt yêu cầu: 37, không đạt yêu cầu: 1

Xếp loại học tập:Giỏi: 0 Khá: 1 Trung bình: 17 TB yếu: 20 Kém: 0

Điểm tổng kết = (Trung bình kiểm tra * 4 + Trung bình thi * 6)/10

PHÒNG ĐÀO TẠO - NCKH GV PHỤ TRÁCH LẬP BẢNG

Bạc Liêu, ngày 12 tháng 12 năm 2020

Lý Chí Dũng

Trần Tuấn Khí

Huỳnh Điền Côn

GHI
CHÚ

GHI CHÚ

1
2016